

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Tên gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ
sản xuất Quý I năm 2023**

Gói thầu số: 03

**Kế hoạch mua sắm: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục
vụ sản xuất Quý I năm 2023**

Phát hành ngày: 16/12/2022

Ban hành kèm theo Quyết định: 2122/QĐ-CT397 ngày 16/12/2022

**BÊN MỜI THẦU
GIÁM ĐỐC**



Kiều Văn Sinh

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý I năm 2023
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 03: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý I năm 2023. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03 và 03a(1) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà

thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a và Mẫu 03a(1) Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 21/12/2022. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng

theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1	Ắc giảm sóc sau $\Phi 70$	Cái	4	Mới 100%	
2	Ắc giảm sóc trước $\Phi 60 \times 160$	Cái	3	Mới 100%	
3	Ắc giằng cầu $\Phi 70$	Cái	30	Mới 100%	
4	Ắc xích PC750	Cái	1	Mới 100%	
5	Bạc ắc giằng cầu $\Phi 70$	Cái	4	Mới 100%	
6	Bạc balie Cos0 740.60D-1000102	Bộ	4	Mới 100%	
7	Bạc biên Cos0 740.60D-1000104	Bộ	4	Mới 100%	
8	Bạc dẫn 569-13-52131	Cái	2	Mới 100%	
9	Bạc đỡ 569-13-52171	Cái	4	Mới 100%	
10	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173	Cái	3	Mới 100%	
11	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181	Cái	3	Mới 100%	
12	Bạc + ắc nhíp Kamaz	Bộ	6	Mới 100%	
13	Bàn ép côn Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
14	Bánh răng 6520-2506126	Cái	2	Mới 100%	
15	Bánh răng đồng tốc hộp số 1/2	Bộ	2	Mới 100%	
16	Bánh răng đồng tốc hộp số 3/4	Bộ	2	Mới 100%	
17	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	7	Mới 100%	
18	Bánh răng vành chậu+quả dứa 569-22-71203	Bộ	2	Mới 100%	
19	Bánh răng vành chậu+quả dứa 6520.2502060.10-6520.2502017.10	Bộ	2	Mới 100%	
20	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	10	Mới 100%	
21	Bầu phanh lốc kê HUYNDAI	Cái	6	Mới 100%	
22	Bầu phanh lốc kê Kamaz 6520	Cái	10	Mới 100%	
23	Bầu phanh trước Kamaz	Cái	5	Mới 100%	
24	Bi các đăng Koyo LBCT53	Vòng	2	Mới 100%	
25	Bi chao 707-46-14010	Vòng	4	Mới 100%	
26	Bi chao GEK40XS 2RS	Vòng	2	Mới 100%	
27	Bi chao $\Phi 70$	Vòng	10	Mới 100%	
28	Bi chữ thập các đăng trước 421-20-32621	Vòng	2	Mới 100%	
29	Bi chữ thập các đăng $\Phi 48 \times 135$	Vòng	2	Mới 100%	
30	Bi chữ thập các đăng $\Phi 52 \times 133$	Vòng	2	Mới 100%	
31	Bi chữ thập các đăng $\Phi 52 \times 134$	Vòng	3	Mới 100%	
32	Bi chữ thập các đăng $\Phi 57 \times 152$	Vòng	6	Mới 100%	
33	Bi moay ơ trước 30615	Vòng	4	Mới 100%	
34	Bi moay ơ trước 32310	Vòng	4	Mới 100%	
35	Bi moay ơ trước Koyo 32032JR	Vòng	2	Mới 100%	

36	Bì moay ơ trước Koyo 32036JR	Vòng	2	Mới 100%	
37	Bì treo các đặng NTN UCP 214 D1	Vòng	2	Mới 100%	
38	Bì tỷ trục đứng 29910C17	Vòng	30	Mới 100%	
39	Bìa rom	Tờ	5	Mới 100%	
40	Bích nối BN001	Cái	3	Mới 100%	
41	Bộ cơ cầu đi số Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
42	Bộ gioăng phanh 566-32-05211	Bộ	2	Mới 100%	
43	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	3	Mới 100%	
44	Bộ ly hợp điện từ máy nén khí điều hòa	Bộ	2	Mới 100%	
45	Bộ phốt tăng xích PC750	Bộ	1	Mới 100%	
46	Bộ vỏ ốp vi sai cầu giữa Kamaz 6520	Bộ	2	Mới 100%	
47	Bơm lái 4310-3407200	Cái	4	Mới 100%	
48	Bơm nước động cơ 6240-61-1105	Cụm	2	Mới 100%	
49	Bơm nước rửa kính 90Z	Cái	3	Mới 100%	
50	Bơm nước rửa kính CAT773E	Cái	3	Mới 100%	
51	Bơm nước rửa kính HD465	Cái	8	Mới 100%	
52	Bơm phanh 705-22-28310	Cụm	2	Mới 100%	
53	Bơm phanh 705-34-28840	Cụm	2	Mới 100%	
54	Bơm tay nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
55	Bu lông các đặng 01050-61260	Cái	20	Mới 100%	
56	Bu lông các đặng 566-20-41220	Cái	20	Mới 100%	
57	Bu lông các đặng M12L70	Bộ	10	Mới 100%	
58	Bu lông giằng cầu M20L330	Bộ	15	Mới 100%	
59	Bu lông góc lưỡi M25	Bộ	30	Mới 100%	
60	Bu lông M20L150	Bộ	20	Mới 100%	
61	Bu lông M20L250	Bộ	20	Mới 100%	
62	Bu lông M27L280	Bộ	20	Mới 100%	
63	Bu lông stan sau	Bộ	20	Mới 100%	
64	Bu lông stan trước	Bộ	10	Mới 100%	
65	Bu lông tắc kê	Bộ	30	Mới 100%	
66	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	15	Mới 100%	
67	Bu ly tăng dây cu roa tron	Cái	4	Mới 100%	
68	Búa súng 1inch SW860H	Cái	1	Mới 100%	
69	Ca ngoài 569-13-52124	Cái	2	Mới 100%	
70	Cảm biến nhiệt độ dầu số 7861-93-3320	Cái	2	Mới 100%	
71	Cảm biến phanh rà 418-43-37681	Cái	2	Mới 100%	
72	Căn bi tỷ trục đứng Kamaz	Cái	4	Mới 100%	
73	Căn dọc trục cơ Cos0 6520-2502020-10	Bộ	4	Mới 100%	
74	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290	Cái	3	Mới 100%	
75	Căn vi sai cầu giữa	Bộ	5	Mới 100%	
76	Cao su giảm chấn 35x18x45	Cái	40	Mới 100%	
77	Cao su giảm sóc nhíp trước Kamaz	Cái	3	Mới 100%	
78	Cao su giằng cầu Kamaz 6520	Quả	25	Mới 100%	
79	Cây các đặng sau 6520-2201011-10	Cái	2	Mới 100%	
80	Cây các đặng trước Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	

81	Chụp chắn bụi giăng lái HD465	Cái	30	Mới 100%	
82	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	30	Mới 100%	
83	Cụm vi sai cài cầu Kamaz	Cụm	5	Mới 100%	
84	Cuồng van dài 569-30-72130	Cái	40	Mới 100%	
85	Cuồng van ngắn 569-30-71600	Cái	10	Mới 100%	
86	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	6	Mới 100%	
87	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	5	Mới 100%	
88	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	3	Mới 100%	
89	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	6	Mới 100%	
90	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	3	Mới 100%	
91	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Sợi	3	Mới 100%	
92	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	5	Mới 100%	
93	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	8	Mới 100%	
94	Dây hàn lõi thuốc SF-71 (1.2mm)	Kg	350	Mới 100%	
95	Đế bầu lọc tách nước nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	4	Mới 100%	
96	Đế cốc lọc dầu phanh 569-43-83910	Cái	8	Mới 100%	
97	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	2	Mới 100%	
98	Đinh tán Φ8	Cái	300	Mới 100%	
99	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ Kamaz	Cái	2	Mới 100%	
100	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	20	Mới 100%	
101	Giàn lạnh Kamaz	Bộ	2	Mới 100%	
102	Giàn nóng Kamaz 6520	Cái	4	Mới 100%	
103	Gioăng bốt lái 561-40-00200	Bộ	3	Mới 100%	
104	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	8	Mới 100%	
105	Gioăng giảm sóc sau 07000-15210	Cái	6	Mới 100%	
106	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190	Cái	3	Mới 100%	
107	Gioăng lốp 568-30-11550	Cái	4	Mới 100%	
108	Gioăng mặt xoa nhỏ 180-27-11620	Cái	6	Mới 100%	
109	Gioăng mặt xoa to 198-27-11550	Cái	6	Mới 100%	
110	Gioăng moay ơ sau 07000-15415	Cái	4	Mới 100%	
111	Gioăng moay ơ sau 07000-15455	Cái	4	Mới 100%	
112	Gioăng moay ơ sau 07000-15500	Cái	4	Mới 100%	
113	Gioăng moay ơ sau 07000-A5280	Cái	4	Mới 100%	
114	Gioăng moay ơ sau 56A-46-13480	Cái	4	Mới 100%	
115	Gioăng moay ơ sau Φ4x175	Cái	4	Mới 100%	
116	Gioăng moay ơ sau Φ6x250	Cái	6	Mới 100%	
117	Gioăng phốt bốt lái Kamaz 65201	Bộ	3	Mới 100%	
118	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	4	Mới 100%	
119	Gioăng phốt mô tơ quay toa PC750	Bộ	1	Mới 100%	
120	Gioăng tròn 195-09-18330	Cái	3	Mới 100%	
121	Gioăng tròn 209-27-71370	Cái	3	Mới 100%	
122	Góc gạt L150H	Cái	4	Mới 100%	
123	Gối cầu cân bằng 6520-2918068	Cái	2	Mới 100%	
124	Gối cầu cân bằng Hyundai HD260	Cái	4	Mới 100%	
125	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	4	Mới 100%	

126	Keo gắn gioăng 790- 129-9170	Tuýp	10	Mới 100%	
127	Khớp lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
128	Kim phun nhiên liệu 273.1112110-20	Cái	2	Mới 100%	
129	Lá côn Kamaz 6520	Cái	6	Mới 100%	
130	La răng 1100-20	Bộ	2	Mới 100%	
131	Lá thép bơm cao áp 16833-99015	Cái	4	Mới 100%	
132	Lọc dầu động cơ P551670	Cái	3	Mới 100%	
133	Lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	3	Mới 100%	
134	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	20	Mới 100%	
135	Lọc dầu thủy lực SFH-0084	Cái	2	Mới 100%	
136	Lọc gió động cơ 30295-2/30295-3	Bộ	2	Mới 100%	
137	Lọc gió động cơ Kamaz 6520	Bộ	6	Mới 100%	
138	Lốc lạnh 447190-8044	Cái	6	Mới 100%	
139	Lọc phom xả UT1374	Cái	4	Mới 100%	
140	Lọc tách nước P554685	Cái	4	Mới 100%	
141	Lọc tách nước PL-420	Cái	8	Mới 100%	
142	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	30	Mới 100%	
143	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	30	Mới 100%	
144	Lưỡi gạt L150H	Cái	2	Mới 100%	
145	Má phanh sau Kamaz	Cái	14	Mới 100%	
146	Má phanh trước 566-32-05221	Cặp	4	Mới 100%	
147	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410	Cái	2	Mới 100%	
148	Măng xéc kép giảm sóc sau 707-51-18650	Cái	5	Mới 100%	
149	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650	Cái	3	Mới 100%	
150	Mặt bích các đăng dài 6520-2205023	Cái	3	Mới 100%	
151	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn 569-01-62720	Cái	3	Mới 100%	
152	Mặt bích đỡ phốt cầu KAMAZ	Cái	3	Mới 100%	
153	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	3	Mới 100%	
154	Mặt máy 740.30-1003010	Cụm	4	Mới 100%	
155	Máy nén khí điều hòa 10PA15C	Cái	2	Mới 100%	
156	Máy phát điện 24V-80A	Cái	2	Mới 100%	
157	Máy phát điện 3142-3771-10	Cái	2	Mới 100%	
158	Mô tơ gạt mưa 5320-5001106	Cái	3	Mới 100%	
159	Nắp chụp chắn mỡ gối cầu cân bằng Kamaz	Cái	3	Mới 100%	
160	Nhíp giảm sóc cabin Kamaz	Bộ	6	Mới 100%	
161	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	10	Mới 100%	
162	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	10	Mới 100%	
163	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	10	Mới 100%	
164	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	20	Mới 100%	
165	Nhíp sau 100x22x350	Lá	6	Mới 100%	
166	Nhíp sau 100x22x450	Lá	6	Mới 100%	
167	Nhíp sau 100x22x550	Lá	6	Mới 100%	
168	Nhíp sau 100x22x650	Lá	6	Mới 100%	
169	Nhíp sau 100x22x750	Lá	6	Mới 100%	
170	Nhíp sau 100x22x850	Lá	6	Mới 100%	

171	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	6	Mới 100%	
172	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	6	Mới 100%	
173	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	6	Mới 100%	
174	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	6	Mới 100%	
175	Nhíp trước 90x14x450	Lá	4	Mới 100%	
176	Nhíp trước 90x14x600	Lá	4	Mới 100%	
177	Nhíp trước 90x14x750	Lá	3	Mới 100%	
178	Nhíp trước 90x14x900	Lá	4	Mới 100%	
179	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	3	Mới 100%	
180	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	4	Mới 100%	
181	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	3	Mới 100%	
182	Phanh hãm Φ112x3	Cái	4	Mới 100%	
183	Phanh hãm Φ175x3	Cái	4	Mới 100%	
184	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	3	Mới 100%	
185	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	3	Mới 100%	
186	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	2	Mới 100%	
187	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	3	Mới 100%	
188	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	3	Mới 100%	
189	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	3	Mới 100%	
190	Phin lọc gió động cơ P500181	Bộ	4	Mới 100%	
191	Phin lọc gió động cơ X012055	Bộ	4	Mới 100%	
192	Phin lọc gió ngoài cabin P500282	Cái	3	Mới 100%	
193	Phin lọc gió trong cabin P500203	Cái	6	Mới 100%	
194	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	4	Mới 100%	
195	Phin lọc máy lạnh Kamaz	Cái	4	Mới 100%	
196	Phốt bốt lái 561-40-00100	Bộ	4	Mới 100%	
197	Phốt cầu 80x105x12	Cái	4	Mới 100%	
198	Phốt chắn bụi giảm sóc sau 561-50-61370	Cái	5	Mới 100%	
199	Phốt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230	Cái	3	Mới 100%	
200	Phốt đầu bơm cao áp 30x42x7	Cái	5	Mới 100%	
201	Phốt đuôi bơm cao áp 45x60x8	Cái	6	Mới 100%	
202	Phốt moay ơ sau 65115-3104017	Cái	10	Mới 100%	
203	Phốt moay ơ trước 105x138	Cái	4	Mới 100%	
204	Phốt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	4	Mới 100%	
205	Phốt tím đơn giảm sóc sau 569-50-82410	Cái	4	Mới 100%	
206	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	15	Mới 100%	
207	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	6	Mới 100%	
208	Rô tuyen ba dọc 180-3414060/3414061	Bộ	2	Mới 100%	
209	Rô tuyen đi số to Kamaz	Cái	4	Mới 100%	
210	Tanh la răng	Cái	3	Mới 100%	
211	Tay biên 740.1004045	Cái	3	Mới 100%	
212	Tay giằng cầu hạ HD465	Cái	3	Mới 100%	
213	Tay giằng cầu thượng HD465	Cái	3	Mới 100%	
214	Thép tấm 12x2000x6000-Q345	Kg	7913	Mới 100%	
215	Thép tấm 16x2000x6000-Q345	Kg	10550	Mới 100%	

216	Thép tròn D50x6000-C45	Kg	3000	Mới 100%	
217	Tiết chế máy phát Kamaz 6520	Cái	2	Mới 100%	
218	Tổng côn dưới Kamaz 6520	Cái	6	Mới 100%	
219	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	3	Mới 100%	
220	Tổng phanh chân 3514108-10	Cái	3	Mới 100%	
221	Trục cài cầu 6520-2502024	Cái	4	Mới 100%	
222	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	4	Mới 100%	
223	Trục cơ 740.50-1005008	Cái	2	Mới 100%	
224	Trục dẫn động 209-27-71111	Cái	2	Mới 100%	
225	Trục đứng 6520-3001019	Cái	6	Mới 100%	
226	Trục lai các đăng sau 6520-3904030	Cái	3	Mới 100%	
227	Van bơm nhiên liệu ND094040-0381	Cái	4	Mới 100%	
228	Van điện từ lên ben 09070617	Cái	5	Mới 100%	
229	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	4	Mới 100%	
230	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	5	Mới 100%	
231	Vành răng giảm tốc 569-22-72540	Cái	2	Mới 100%	
232	Vi nét phanh Hyundai HD260	Cái	5	Mới 100%	
233	Vi nét phanh sau Kamaz 6520	Cái	3	Mới 100%	
234	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	3	Mới 100%	
235	Vòng bi 4395/2/QCL2CVQ492	Vòng	2	Mới 100%	
236	Vòng bi bánh đà 1180305	Vòng	2	Mới 100%	
237	Vòng bi bót lái Kamaz 65201	Vòng	2	Mới 100%	
238	Vòng bi cầu 1032924KM	Vòng	3	Mới 100%	
239	Vòng bi cầu 30217	Vòng	3	Mới 100%	
240	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	2	Mới 100%	
241	Vòng bi cầu 32216	Vòng	3	Mới 100%	
242	Vòng bi cầu 32313	Vòng	2	Mới 100%	
243	Vòng bi cầu 32315	Vòng	2	Mới 100%	
244	Vòng bi cầu 6312	Vòng	2	Mới 100%	
245	Vòng bi đuôi trục cơ 6205	Vòng	3	Mới 100%	
246	Vòng bi KBB0441-69003	Vòng	2	Mới 100%	
247	Vòng bi KBB0441-69004	Vòng	2	Mới 100%	
248	Vòng bi máy phát SKF 6303	Vòng	4	Mới 100%	
249	Vòng bi rulip 569-13-52160	Cái	2	Mới 100%	
250	Vòng bi SKF 6303	Vòng	4	Mới 100%	
251	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	5	Mới 100%	
252	Vú mỡ	Cái	200	Mới 100%	
253	Xéc măng bót lái Kamaz 65201	Bộ	2	Mới 100%	
254	Xi lanh lái Kamaz 65201	Cái	2	Mới 100%	

*** Yêu cầu khác**

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Thời gian giao hàng	Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
2	Tiến độ giao hàng	Trong vòng 03 ngày ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực. Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu.
3	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397
4	Thời gian thanh toán	Thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn của từng đợt giao hàng, với điều kiện bên bán đã cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm: Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác.
5	Năm sản xuất	Yêu cầu nhà thầu ghi rõ năm sản xuất từng mục hàng hóa
6	Chất lượng hàng hóa	Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại.
7	Bảo hành	Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Yêu cầu nhà thầu chào chi tiết thời gian bảo hành cho từng mục cho hàng hóa.
8	Xuất xứ hàng hóa	Nêu rõ hãng sản xuất hoặc nước sản xuất, Có giấy ủy quyền phân phối sản phẩm chính hãng hoặc giấy chứng nhận đại lý cấp 1 của hãng sản xuất hoặc tài liệu khác chứng minh nhà cung cấp là đơn vị đại diện cho Hãng sản xuất cung cấp sản phẩm tại Việt Nam (nếu có)

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03a(1)

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Ắc giảm sóc sau Φ70	Cái	4					
2	Ắc giảm sóc trước Φ60x160	Cái	3					
3	Ắc giằng cầu Φ70	Cái	30					
4	Ắc xích PC750	Cái	1					
5	Bạc ắc giằng cầu Φ70	Cái	4					
6	Bạc balie Cos0 740.60D-1000102	Bộ	4					
7	Bạc biên Cos0 740.60D-1000104	Bộ	4					
8	Bạc dẫn 569-13-52131	Cái	2					
9	Bạc đỡ 569-13-52171	Cái	4					
10	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173	Cái	3					
11	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181	Cái	3					
12	Bạc + ắc nhíp Kamaz	Bộ	6					
13	Bàn ép côn Kamaz 6520	Cái	2					
14	Bánh răng 6520-2506126	Cái	2					
15	Bánh răng đồng tốc hộp số 1/2	Bộ	2					
16	Bánh răng đồng tốc hộp số 3/4	Bộ	2					
17	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	7					
18	Bánh răng vành chậu+quả dứa 569-22-71203	Bộ	2					
19	Bánh răng vành chậu+quả dứa 6520.2502060.10-6520.2502017.10	Bộ	2					
20	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	10					
21	Bầu phanh lốc kê HUYNDAI	Cái	6					
22	Bầu phanh lốc kê Kamaz 6520	Cái	10					
23	Bầu phanh trước Kamaz	Cái	5					
24	Bi các đăng Koyo LBCT53	Vòng	2					
25	Bi chao 707-46-14010	Vòng	4					
26	Bi chao GEK40XS 2RS	Vòng	2					
27	Bi chao Φ70	Vòng	10					
28	Bi chữ thập các đăng trước 421-20-32621	Vòng	2					
29	Bi chữ thập các đăng Φ48x135	Vòng	2					
30	Bi chữ thập các đăng Φ52x133	Vòng	2					
31	Bi chữ thập các đăng Φ52x134	Vòng	3					
32	Bi chữ thập các đăng Φ57x152	Vòng	6					
33	Bi moay ơ trước 30615	Vòng	4					
34	Bi moay ơ trước 32310	Vòng	4					
35	Bi moay ơ trước Koyo 32032JR	Vòng	2					
36	Bi moay ơ trước Koyo 32036JR	Vòng	2					
37	Bi treo các đăng NTN UCP 214 D1	Vòng	2					
38	Bi tỷ trục đứng 29910C17	Vòng	30					
39	Bìa rom	Tờ	5					
40	Bích nối BN001	Cái	3					

41	Bộ cơ cấu đi số Kamaz 6520	Cái	2						
42	Bộ gioăng phanh 566-32-05211	Bộ	2						
43	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	3						
44	Bộ ly hợp điện từ máy nén khí điều hòa	Bộ	2						
45	Bộ phốt tăng xích PC750	Bộ	1						
46	Bộ vỏ ốp vi sai cầu giữa Kamaz 6520	Bộ	2						
47	Bơm lái 4310-3407200	Cái	4						
48	Bơm nước động cơ 6240-61-1105	Cụm	2						
49	Bơm nước rửa kính 90Z	Cái	3						
50	Bơm nước rửa kính CAT773E	Cái	3						
51	Bơm nước rửa kính HD465	Cái	8						
52	Bơm phanh 705-22-28310	Cụm	2						
53	Bơm phanh 705-34-28840	Cụm	2						
54	Bơm tay nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	2						
55	Bu lông các đăng 01050-61260	Cái	20						
56	Bu lông các đăng 566-20-41220	Cái	20						
57	Bu lông các đăng M12L70	Bộ	10						
58	Bu lông giằng cầu M20L330	Bộ	15						
59	Bu lông góc lười M25	Bộ	30						
60	Bu lông M20L150	Bộ	20						
61	Bu lông M20L250	Bộ	20						
62	Bu lông M27L280	Bộ	20						
63	Bu lông stan sau	Bộ	20						
64	Bu lông stan trước	Bộ	10						
65	Bu lông tắc kê	Bộ	30						
66	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	15						
67	Bu ly tăng dây cu roa tron	Cái	4						
68	Búa súng 1inch SW860H	Cái	1						
69	Ca ngoài 569-13-52124	Cái	2						
70	Cảm biến nhiệt độ dầu số 7861-93-3320	Cái	2						
71	Cảm biến phanh rà 418-43-37681	Cái	2						
72	Căn bi tỷ trục đứng Kamaz	Cái	4						
73	Căn dọc trục cơ Cos0 6520-2502020-10	Bộ	4						
74	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290	Cái	3						
75	Căn vi sai cầu giữa	Bộ	5						
76	Cao su giảm chấn 35x18x45	Cái	40						
77	Cao su giảm sóc nhíp trước Kamaz	Cái	3						
78	Cao su giằng cầu Kamaz 6520	Quả	25						
79	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Cái	2						
80	Cây các đăng trước Kamaz 6520	Cái	2						
81	Chụp chắn bụi giằng lái HD465	Cái	30						
82	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	30						
83	Cụm vi sai cài cầu Kamaz	Cụm	5						
84	Cuồng van dài 569-30-72130	Cái	40						
85	Cuồng van ngắn 569-30-71600	Cái	10						
86	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	6						
87	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	5						
88	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	3						

89	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	6					
90	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	3					
91	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Sợi	3					
92	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	5					
93	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	8					
94	Dây hàn lõi thuốc SF-71 (1.2mm)	Kg	350					
95	Đế bầu lọc tách nước nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	4					
96	Đế cốc lọc dầu phanh 569-43-83910	Cái	8					
97	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	2					
98	Đinh tán Φ8	Cái	300					
99	Đồng hồ báo áp suất dầu động cơ Kamaz	Cái	2					
100	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	20					
101	Giàn lạnh Kamaz	Bộ	2					
102	Giàn nóng Kamaz 6520	Cái	4					
103	Gioăng bốt lái 561-40-00200	Bộ	3					
104	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	8					
105	Gioăng giảm sóc sau 07000-15210	Cái	6					
106	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190	Cái	3					
107	Gioăng lớp 568-30-11550	Cái	4					
108	Gioăng mặt xoa nhỏ 180-27-11620	Cái	6					
109	Gioăng mặt xoa to 198-27-11550	Cái	6					
110	Gioăng moay ơ sau 07000-15415	Cái	4					
111	Gioăng moay ơ sau 07000-15455	Cái	4					
112	Gioăng moay ơ sau 07000-15500	Cái	4					
113	Gioăng moay ơ sau 07000-A5280	Cái	4					
114	Gioăng moay ơ sau 56A-46-13480	Cái	4					
115	Gioăng moay ơ sau Φ4x175	Cái	4					
116	Gioăng moay ơ sau Φ6x250	Cái	6					
117	Gioăng phốt bốt lái Kamaz 65201	Bộ	3					
118	Gioăng phốt đại tu 740.50-360	Bộ	4					
119	Gioăng phốt mô tơ quay toa PC750	Bộ	1					
120	Gioăng tròn 195-09-18330	Cái	3					
121	Gioăng tròn 209-27-71370	Cái	3					
122	Góc gạt L150H	Cái	4					
123	Gối cầu cân bằng 6520-2918068	Cái	2					
124	Gối cầu cân bằng Hyundai HD260	Cái	4					
125	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	4					
126	Keo gắn gioăng 790- 129-9170	Tuýp	10					
127	Khớp lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	2					
128	Kim phun nhiên liệu 273.1112110-20	Cái	2					
129	Lá côn Kamaz 6520	Cái	6					
130	La răng 1100-20	Bộ	2					
131	Lá thép bơm cao áp 16833-99015	Cái	4					
132	Lọc dầu động cơ P551670	Cái	3					
133	Lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	3					
134	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	20					
135	Lọc dầu thủy lực SFH-0084	Cái	2					
136	Lọc gió động cơ 30295-2/30295-3	Bộ	2					

137	Lọc gió động cơ Kamaz 6520	Bộ	6					
138	Lốc lạnh 447190-8044	Cái	6					
139	Lọc phom xả UT1374	Cái	4					
140	Lọc tách nước P554685	Cái	4					
141	Lọc tách nước PL-420	Cái	8					
142	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	30					
143	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	30					
144	Lưỡi gạt L150H	Cái	2					
145	Má phanh sau Kamaz	Cái	14					
146	Má phanh trước 566-32-05221	Cặp	4					
147	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410	Cái	2					
148	Măng xéc kép giảm sóc sau 707-51-18650	Cái	5					
149	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650	Cái	3					
150	Mặt bích các đăng dài 6520-2205023	Cái	3					
151	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn 569-01-62720	Cái	3					
152	Mặt bích đỡ phốt cầu KAMAZ	Cái	3					
153	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	3					
154	Mặt máy 740.30-1003010	Cụm	4					
155	Máy nén khí điều hòa 10PA15C	Cái	2					
156	Máy phát điện 24V-80A	Cái	2					
157	Máy phát điện 3142-3771-10	Cái	2					
158	Mô tơ gạt mưa 5320-5001106	Cái	3					
159	Nắp chụp chắn mỡ gối cầu cân bằng Kamaz	Cái	3					
160	Nhíp giảm sóc cabin Kamaz	Bộ	6					
161	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	10					
162	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	10					
163	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	10					
164	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	20					
165	Nhíp sau 100x22x350	Lá	6					
166	Nhíp sau 100x22x450	Lá	6					
167	Nhíp sau 100x22x550	Lá	6					
168	Nhíp sau 100x22x650	Lá	6					
169	Nhíp sau 100x22x750	Lá	6					
170	Nhíp sau 100x22x850	Lá	6					
171	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	6					
172	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	6					
173	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	6					
174	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	6					
175	Nhíp trước 90x14x450	Lá	4					
176	Nhíp trước 90x14x600	Lá	4					
177	Nhíp trước 90x14x750	Lá	3					
178	Nhíp trước 90x14x900	Lá	4					
179	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	3					
180	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	4					
181	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	3					
182	Phanh hãm Φ 112x3	Cái	4					
183	Phanh hãm Φ 175x3	Cái	4					
184	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	3					

185	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	3					
186	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	2					
187	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	3					
188	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	3					
189	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	3					
190	Phin lọc gió động cơ P500181	Bộ	4					
191	Phin lọc gió động cơ X012055	Bộ	4					
192	Phin lọc gió ngoài cabin P500282	Cái	3					
193	Phin lọc gió trong cabin P500203	Cái	6					
194	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	4					
195	Phin lọc máy lạnh Kamaz	Cái	4					
196	Phốt bốt lái 561-40-00100	Bộ	4					
197	Phốt cầu 80x105x12	Cái	4					
198	Phốt chắn bụi giảm sóc sau 561-50-61370	Cái	5					
199	Phốt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230	Cái	3					
200	Phốt đầu bơm cao áp 30x42x7	Cái	5					
201	Phốt đuôi bơm cao áp 45x60x8	Cái	6					
202	Phốt moay ơ sau 65115-3104017	Cái	10					
203	Phốt moay ơ trước 105x138	Cái	4					
204	Phốt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	4					
205	Phốt tím đơn giảm sóc sau 569-50-82410	Cái	4					
206	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	15					
207	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	6					
208	Rô tuyen ba dọc 180-3414060/3414061	Bộ	2					
209	Rô tuyen đi số to Kamaz	Cái	4					
210	Tanh la răng	Cái	3					
211	Tay biên 740.1004045	Cái	3					
212	Tay giằng cầu hạ HD465	Cái	3					
213	Tay giằng cầu thượng HD465	Cái	3					
214	Thép tấm 12x2000x6000-Q345	Kg	7913					
215	Thép tấm 16x2000x6000-Q345	Kg	10550					
216	Thép tròn D50x6000-C45	Kg	3000					
217	Tiết chế máy phát Kamaz 6520	Cái	2					
218	Tổng côn dưới Kamaz 6520	Cái	6					
219	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	3					
220	Tổng phanh chân 3514108-10	Cái	3					
221	Trục cài cầu 6520-2502024	Cái	4					
222	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	4					
223	Trục cơ 740.50-1005008	Cái	2					
224	Trục dẫn động 209-27-71111	Cái	2					
225	Trục đứng 6520-3001019	Cái	6					
226	Trục lai các đăng sau 6520-3904030	Cái	3					
227	Van bơm nhiên liệu ND094040-0381	Cái	4					
228	Van điện từ lên ben 09070617	Cái	5					
229	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	4					
230	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	5					
231	Vành răng giảm tốc 569-22-72540	Cái	2					
232	Vì nét phanh Hyundai HD260	Cái	5					

233	Vi nét phanh sau Kamaz 6520	Cái	3					
234	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	3					
235	Vòng bi 4395/2/QCL2CVQ492	Vòng	2					
236	Vòng bi bánh đà 1180305	Vòng	2					
237	Vòng bi bót lái Kamaz 65201	Vòng	2					
238	Vòng bi cầu 1032924KM	Vòng	3					
239	Vòng bi cầu 30217	Vòng	3					
240	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	2					
241	Vòng bi cầu 32216	Vòng	3					
242	Vòng bi cầu 32313	Vòng	2					
243	Vòng bi cầu 32315	Vòng	2					
244	Vòng bi cầu 6312	Vòng	2					
245	Vòng bi đuôi trục cơ 6205	Vòng	3					
246	Vòng bi KBB0441-69003	Vòng	2					
247	Vòng bi KBB0441-69004	Vòng	2					
248	Vòng bi máy phát SKF 6303	Vòng	4					
249	Vòng bi rulip 569-13-52160	Cái	2					
250	Vòng bi SKF 6303	Vòng	4					
251	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	5					
252	Vú mỡ	Cái	200					
253	Xéc măng bót lái Kamaz 65201	Bộ	2					
254	Xi lanh lái Kamaz 65201	Cái	2					

Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)

Ghi chú:

- Các cột (5), (6), (7), (8) (9) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ⁽¹⁾ ____ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];

- Căn cứ ____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] của ____ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường

² Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tiến độ giao hàng : Trong vòng 03 ngày ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực. Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu.

Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397, khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu

có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ đồng

Bằng chữ :

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán

b) Thời hạn thanh toán

c) Số lần thanh toán

Điều 4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng : 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng ____ (____) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : ____ đồng (Bằng chữ : ____) tương đương 2% giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng : ____ ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A ; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia

hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

a). *Quyền:*

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng.

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ nếu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa;

b). *Nghĩa vụ:*

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán chậm hơn thời gian quy định nêu trên, bên A sẽ phải thanh toán cho bên B lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh

số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập (kiểm tra chất lượng) hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

a). Quyền:

Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và phương thức thanh toán như quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

b). Nghĩa vụ:

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, bên B sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

- $Gptđ = (T_{th} - T_{hs}) \times GC \times R \times 1,5$

Gptđ: Giá trị phạt giao hàng chậm

Tth: Thời gian bên bán hoàn thành việc giao hàng (ngày);

Ths: Thời gian nhận hàng theo thông báo của bên A (ngày);

GC: Giá trị hàng hóa giao chậm;

R: Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 05 (năm) ngày và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho bên A nếu bên A phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: Đối với các hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, nhà thầu phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc cung cấp bản sao y có công chứng, bản sao vận đơn thể hiện tên hàng theo hợp đồng. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo qui định của hợp đồng đã được

Bên A chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được giao tại kho bên A, địa chỉ : Kho vật tư, kho nhiên liệu dầu mỡ phụ - Công ty CP 397, Trảng Bạch, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh. Bên B chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên A, với địa điểm do bên A chỉ định. Bản chính của hóa đơn hợp lệ được giao cho Bên A khi giao hàng.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu bên A.

Điều 12. Quyền sở hữu trí tuệ và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho của bên B và giao hàng do Bên B chịu.

Điều 13. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Trong trường hợp được bảo hành, thời gian bảo hành là thời gian cụ thể hoặc số giờ vận hành kể từ thời điểm bàn giao hàng, tùy theo điều kiện nào đến trước (được nêu chi tiết trong phụ lục đính kèm). Không áp dụng do lỗi bảo dưỡng, thay thế, vận hành không đúng kỹ thuật của người sử dụng.

Điều 14. Bất khả kháng

Nhà Cung Cấp không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, song ngoài khả năng kiểm soát của Nhà Cung Cấp. Tuy nhiên, Nhà Cung Cấp sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như

Khách Hàng không thể không chấp nhận cho Nhà Cung Cấp thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại

Điều 15. Điều khoản chung.

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung.

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng, hòa giải được thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày / /2023.

2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực giao nhận hàng hóa và không phát sinh tranh chấp, hai bên tiến hành lập thủ tục thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [Ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.